

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TAMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc số 1, 2 Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							14.800	14.800			14.800					
3	Nhà thực hành cho các ngành, nghề Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							18.000	18.000			18.000					
4	Dự án: Trại thí nghiệm thực hành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							18.000	18.000			18.000					
C2	CÁC HUYỆN							2.313.601	2.313.601			2.313.601					
I	Huyện Nậm Pồ							318.900	318.900			318.900					
	Dự án khởi công mới/thực hiện giai đoạn 2026-2030							318.900	318.900			318.900					
1	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Chá Cang, huyện Nậm Pồ	C	H. Nậm Pồ	2026	2028	Xây mới: Nhà đa năng, nhà bếp, nhà ăn, 05 phòng bộ môn, 06 phòng nghỉ giáo viên, 12 phòng nội trú, 6 phòng công vụ, 10 phòng tắm, 12 phòng vệ sinh, tường bao, nhà bảo vệ, kệ đá, sân trường, gara xe. Hệ thống PCCC		14.900	14.900			14.900			Số GD&ĐT đề nghị		
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Nậm Pồ	C	H. Nậm Pồ	2028	2030	GPMB 7.000m2; Nhà đa năng; 30 phòng nội trú; 07 phòng học, 05 phòng bộ môn; 10 phòng công vụ; WC cho học sinh nội trú, ga ga xe và các hạng mục phụ trợ		25.000	25.000			25.000			Số GD&ĐT đề nghị		
1	Đường Hồ Hải xã Chá Cang- Nậm Dích, xã Chá Nua		Xã Chá Cang, Chá Nua			Đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 5,0km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		14.000	14.000			14.000					
2	Sân nền, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu trung tâm hành chính huyện Nậm Pồ		Trung tâm huyện			Sân nền khu dân cư với diện tích khoảng 9,8ha; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, hệ thống thoát nước		70.000	70.000			70.000					
3	Sân nền, đầu tư cơ sở hạ tầng Sân vận động, Công viên cây xanh, đường dạo khu trung tâm hành chính huyện Nậm Pồ		Trung tâm huyện			Sân nền với diện tích khoảng 6,4ha; Xây mới sân vận động, công viên cây xanh và các hạng mục phụ trợ		73.000	73.000			73.000					
3	Đường bản Nậm Tín - Mốc 4 - Tỉnh lộ 145B, xã Nậm Tín	C	Xã Nậm Tín	2026		Đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 10,0km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		26.000	26.000			26.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Tàu hời các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDDB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
4	Cầu Nậm Hắng và đường đầu nối vào cầu, xã Chà Tở đi xã Nậm Khẩn, huyện Nậm Pồ	B	Chà Tở	2027		Chiều dài cầu dự kiến L=90m; đường đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 0,5km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		70.000	70.000			70.000					
	Đường Huổi Văng, xã Nậm Khẩn đi xã Nậm Chả, huyện Nậm Nhùn		Xã Nậm Khẩn			Đầu tư theo quy mô đường GTNT A với chiều dài khoảng 1,0km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		7.000	7.000			7.000					
5	Đường bản Phìn Hồ, xã Phìn Hồ đi bản Hồ Cúng, xã Chà Tở	B	Trung tâm huyện	2027		Đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 6,8km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		19.000	19.000			19.000					
II	Huyện Tủa Chùa							369.100	369.100			369.100					
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							369.100	369.100			369.100					
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							369.100	369.100			369.100					
1	Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS và THPT Tả Sìn Thàng	C	H. Tủa Chùa	2026	2028	Đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng mới 04 phòng học, nhà đa năng, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ, sửa chữa nhà lớp học		14.800	14.800			14.800			Số GD&ĐT đề nghị		
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Tủa Chùa	C	H. Tủa Chùa	2026	2028	Xây mới nhà ban giám hiệu, đầu tư bổ sung hệ thống PCCC; cải tạo, nâng cấp, sửa chữa 02 nhà lớp học, nhà đa năng và hạng mục phụ trợ		14.800	14.800			14.800			Số GD&ĐT đề nghị		
3	Nâng cấp tuyến đường liên xã (từ Cù Di Sang, xã Tả Phìn đến Lầu Cầu Phình, xã Lao Xá Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Tả Phìn, Lao Xá Phình			4,5km		13.700	13.700			13.700					
4	Đường giao thông liên xã Trung Thu - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Trung Thu, Tả Phìn			9,2km		40.800	40.800			40.800					
5	Đầu tư xây dựng mở mới tuyến đường và các hạng mục phụ trợ hàng động Pô Răng Ky, xã Huổi Sô	C	Xã Huổi Sô			1,5 km và phụ trợ		20.000	20.000			20.000					
6	Nước sinh hoạt trung tâm xã Sính Phình và các bản lân cận, xã Sính Phình	C	Xã Sính Phình			400 hộ dân		10.000	10.000			10.000					
7	Nước sinh hoạt thôn Tủa Thàng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng					15.000	15.000			15.000					

STT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
8	Hồ treo chứa nước sinh hoạt thôn Mãng, Chiềng, xã Sín Chải	C	Xã Sín Chải			20.000m3		25.000	25.000			25.000					
9	Kè chống sạt lở suối Bản Đun (từ nhà ông Lò Văn Chấn đến Nong Pô), xã Mường Đun	C	xã Mường Đun			3km		20.000	20.000			20.000					
10	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường liên xã (từ thôn Páo Tinh Láng 2, xã Tả Sín Thàng đến Can Hồ, xã Huổi Sô), xã Tả Sín Thàng	C	Xã Tả Sín Thàng			25km		30.000	30.000			30.000					
11	Nâng cấp bê tông đường từ Páo Tinh Láng 1 đi Phàng Mú Phình, xã Tả Sín Thàng	C	Xã Tả Sín Thàng			8km		25.000	25.000			25.000					
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã (ngã ba Tả Sín Thàng - Lao Xã Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Tả Sín Thàng, Lao Xã Phình			7km		15.000	15.000			15.000					
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã (Trung Thu - Lao Xã Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Trung Thu, Lao Xã Phình			4,5km		10.000	10.000			10.000					
14	Nâng cấp tuyến đường liên xã (từ Tinh B, xã Xá Nhè đến xã Phình Sáng, huyện Tuần Giáo), xã Xá Nhè	C	Xã Xá Nhè					20.000	20.000			20.000					
15	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thôn Phi Giàng 1 (từ Chè Ca đến Hân Di), xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng			5km		20.000	20.000			20.000					
16	Đầu tư xây dựng mở mới tuyến đường và các hạng mục phụ trợ hang động Chùa Po, xã Lao Xã Phình	C	Xã Lao Xã Phình			500m và phụ trợ		8.000	8.000			8.000					
17	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thôn Láng Vưa (từ đường trục thôn Láng Vưa - nhà ông Giàng A Sứ - Dợ Khua Dưa vào thôn	C	Xã Tủa Thàng			2 km		20.000	20.000			20.000					
18	Nước sinh hoạt các thôn Phai Tung, Tiến Phong, xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng			200 hộ dân		10.000	10.000			10.000					
19	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường nội thôn trên địa bàn xã Mường Báng	C	Xã Mường Báng			20km		20.000	20.000			20.000					
20	Đầu tư xây dựng bến thuyền thôn Nậm Bành, xã Huổi Sô	C	Xã Huổi Sô					7.000	7.000			7.000					
21	Đầu tư xây dựng bến thuyền thôn Huổi Sô 2, xã Huổi Sô	C	Xã Huổi Sô					10.000	10.000			10.000					
III	Huyện Mường Ảng							208.800	208.800			208.800					
1	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường PTDTNT THPT huyện Mường Ảng	C	H. Mường Ảng	2026	2028	Đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, kè đá, hàng rào, 04 phòng học, 12 phòng ở nội trú, 02 nhà vệ sinh, nhà tắm, bể nước mở rộng nhà ăn, nhà bếp, phòng học bộ môn 03 phòng		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị		
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Mường Ảng	C	H. Mường Ảng	2026	2028	Xây mới nhà ban giám hiệu, sửa chữa nhà các nhà lớp học và hạng mục phụ trợ		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị		

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ nguồn công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Huyện đề xuất							179.000	179.000			179.000					
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							179.000	179.000			179.000					
II.1	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							179.000	179.000			179.000					
1	Trường tiểu học thị trấn Mường Ảng	C	TT Mường Ảng	2026	2030	Xây tại vị trí mới 1,2ha		50.000	50.000			50.000					
2	Sân vận động xã Nậm Lịch	C	Xã Nậm Lịch	2026	2030	Diện tích 1,01ha		5.000	5.000			5.000					
3	Nâng cấp, cải tạo sân vận động thị trấn Mường Ảng	C	TT Mường Ảng	2026	2030	S = 0,65ha (cải tạo nâng cấp các hạng mục: rãnh thoát nước, đường nội bộ, hàng rào, mặt cỏ nhân tạo, ...)		5.000	5.000			5.000					
4	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ tại Trường THCS Ảng Nua	C	Xã Ảng Nua	2026	2030	Nhà đa năng 300m2, bể bơi 400m2 (có mái che), các hạng mục phụ trợ, hệ thống PCCC đồng bộ hoàn chỉnh		9.000	9.000			9.000					
5	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ tại Trường tiểu học Ảng Nua	C	Xã Ảng Nua	2026	2030	Nhà đa năng 300m2, các hạng mục phụ trợ, hệ thống PCCC đồng bộ hoàn chỉnh		6.000	6.000			6.000					
6	Xây dựng và nâng cấp các hạng mục phụ trợ và cơ sở hạ tầng tại các trường học xã xã Búng Lao	C	Xã Búng Lao	2026	2030	Hạng mục phòng cháy chữa cháy và hạ tầng phụ trợ: Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) bao gồm: bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC hoàn chỉnh. Xây dựng nhà vệ sinh 02 tầng với 18 chỗ ngồi. Lát sân trường diện tích 2000 m². Xây dựng các bồn hoa (tổng cộng 20 bồn) và các công trình cảnh quan phụ trợ khác. Hạng mục lớp học và phòng công vụ: Xây mới 01 nhà lớp học gồm 02 phòng tại Trường Mầm non cơ sở 2 xã Búng Lao. Xây dựng nhà lớp học 01 phòng tại điểm trường bản Pá Sảng, kèm phòng công vụ. Tổng diện tích lát gạch sân trường là 300 m². Các hạng mục phụ trợ: Hoàn thiện sân bê tông, xây dựng tường bao quanh trường học; Xây dựng cổng trường, lắp đặt hệ thống nhà vệ sinh (tại điểm trường bản Pá Sảng với 04 chỗ ngồi).		8.500	8.500			8.500					
7	Xây dựng và nâng cấp các hạng mục phụ trợ và cơ sở hạ tầng tại các trường học xã Xuân Lao	C	Xã Xuân Lao	2026	2030	Nhà hiệu bộ và các phòng học chuyên môn 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Nhà vệ sinh 02 gian; Kê bê tông dài 50m, cao 4m		6.500	6.500			6.500					

116

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
8	Xây dựng và nâng cấp các hạng mục phụ trợ và cơ sở hạ tầng tại các trường học xã Mường Lạn	C	Xã Mường Lạn	2026	2030	Nhà lớp học bộ môn 06 phòng 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Các hạng mục phụ trợ độ BT sân 1000m ² , xây bồn hoa; Nhà lớp học bộ môn 06 phòng 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Các hạng mục phụ trợ...		19.500	19.500			19.500					
9	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường xã Áng Tở	C	Xã Áng Tở	2026	2030	Xây dựng nhà lớp học và các phòng hành chính tại Trường Mầm non xã Áng Tở; Nhà lớp học 02 tầng và các phòng hành chính; Hệ thống PCCC đồng bộ với hệ nước PCCC, nhà để máy bơm. Hạng mục phụ trợ: lát sân 800m ² , cổng, hàng rào, và bồn hoa. Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại Điểm trường bản Thồ, Trường PTDTBT Tiểu học Bản Bua; Nhà lớp học 01 phòng và phòng công vụ giáo viên. Hạng mục phụ trợ: nhà vệ sinh, cổng, hàng rào, sân bê tông. Xây dựng hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ tại Trường THCS xã Áng Tở; Hệ thống PCCC hoàn chỉnh. Hạng mục phụ trợ: lát sân 2.500m ² , hệ thống bồn hoa		11.500	11.500			11.500					
10	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường xã Áng Tở	C	Xã Áng Tở	2026	2030	Xây dựng nhà lớp học và các phòng hành chính tại Trường Mầm non xã Áng Tở; Nhà lớp học 02 tầng và các phòng hành chính; Hệ thống PCCC đồng bộ với hệ nước PCCC, nhà để máy bơm. Hạng mục phụ trợ: lát sân 800m ² , cổng, hàng rào, và bồn hoa. Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại Điểm trường bản Thồ, Trường PTDTBT Tiểu học Bản Bua; Nhà lớp học 01 phòng và phòng công vụ giáo viên. Hạng mục phụ trợ: nhà vệ sinh, cổng, hàng rào, sân bê tông. Xây dựng hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ tại Trường THCS xã Áng Tở; Hệ thống PCCC hoàn chỉnh. Hạng mục phụ trợ: lát sân 2.500m ² , hệ thống bồn hoa		6.000	6.000			6.000					
11	Xây dựng nhà lớp học + các phòng hành chính và các hạng mục phụ trợ tại Trường Mầm non xã Mường Đăng	C	Xã Mường Đăng	2026	2030	Xây dựng nhà lớp học bộ môn và các phòng hành chính + các hạng mục phụ trợ. Hệ thống PCCC đồng bộ hoàn chỉnh		5.000	5.000			5.000					
12	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Xuân Lao	C	Xã Xuân Lao	2026	2030	Nhà hiệu bộ và các phòng học chuyên môn 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Nhà vệ sinh 02 gian; Kê bê tông dài 50m, cao 4m		5.000	5.000			5.000					
13	Sân vận động xã Mường Đăng	C	Xã Mường Đăng	2026	2030	Diện tích 1,01ha		5.000	5.000			5.000					

117

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn hỗ trợ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
14	Sân vận động xã Ngõi Cây	C	Xã Ngõi Cây	2026	2030	Diện tích 0,35a		6.000	6.000				6.000				
15	Nâng cấp đường từ QL 279 đi trụ sở UBND xã Búng Lao	C	Xã Búng Lao	2026	2030	Đường cấp V, mặt BT nhựa, rãnh thoát nước, vỉa hè; Chiều dài L = 1,0km,		10.000	10.000				10.000				
16	Đường từ bản Chùa Sấu xã Xuân Lao đi bản Ca Tàu, xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông	C	Xã Xuân Lao	2026	2030	Chiều dài L=3 km, Đường GTNT B, Mặt đường BTXM, Hệ thống thoát nước		6.000	6.000				6.000				
17	Sân vận động xã Mường Lạn	C	Xã Mường Lạn	2026	2030	S = 13.000m2		5.000	5.000				5.000				
18	Đường đi khu sản xuất bản Bua I, II và Huổi Hóm, xã Ảng Tờ	C	Xã Ảng Tờ	2026	2030	Đường giao thông nông thôn C, cấp phối với L = 5,0Km, Công trình trên tuyến		5.000	5.000				5.000				
19	Khu thể thao xã Ảng Tờ	C	Xã Ảng Tờ	2026	2030	Diện tích 1 ha		5.000	5.000				5.000				
IV	Huyện Tuần Giáo							389.150	389.150				389.150				
*	Dự án 1 : Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo																
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo																
1	Lĩnh vực đầu tư: Văn hóa, thể thao và du lịch							133.950	133.950				133.950				
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							133.950	133.950				133.950				
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							133.950	133.950				133.950				
1	Sân thể thao các xã: Mường Mùn, Mùn Chung, Nà Tông, Pú Xi, Chiềng Đông	Nhóm C	Các xã: Mường Mùn, Mùn Chung, Nà Tông, Pú Xi, Chiềng Đông	2026	2028	Sân thể thao mỗi xã diện tích 1ha và các hạng mục phụ trợ khác như GPMB, sân nền, kẻ đá, đường xung quang sân..		14.000	14.000				14.000				
2	Sân thể thao + nhà đa năng xã Quải Nưa	Nhóm C	Xã Quải Nưa	2026	2028	Sân thể thao mỗi xã diện tích 1ha và các hạng mục phụ trợ khác như GPMB, sân nền, kẻ đá, đường xung quang sân..		14.500	14.500				14.500				
3	Sân thể thao + nhà đa năng xã Quải Tờ	Nhóm C	xã Quải Tờ	2026	2028	Sân thể thao mỗi xã diện tích 1ha và các hạng mục phụ trợ khác như GPMB, sân nền, kẻ đá, đường xung quang sân..		14.500	14.500				14.500				

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCN
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
4	Chợ nông thôn các xã: Quài Cang, Quài Nua, Quài Tở, Chiềng Sinh, Chiềng Đông	Nhóm C	Các xã: Quài Cang, Quài Nua, Quài Tở, Chiềng Sinh, Chiềng Đông	2026	2028	Mỗi xã Chợ diện tích khoảng 3.000 m2 đầu tư các hạng mục như: Sàn nền, hệ thống kê, đường giao thông nội bộ, rãnh thoát nước, hệ thống cấp điện, nước, nhà vệ sinh...		14.950	14.950			14.950					
5	Nhà văn hóa - thể thao các bản: Bản Cỏ, bản Cuông, bản Phụng, bản Phú, bản Nát, bản Sáng - xã Quài Cang	Nhóm C	xã Quài Cang	2026	2028	Xây dựng 06 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd = 200m2 mỗi nhà cho các bản. Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông...		10.500	10.500			10.500					
6	Nhà văn hóa - thể thao các bản: bản Ten, bản Cỏ, bản Minh Thắng, bản Giảng, bản Chá, bản Pha Nàng, bản Mạ Khúa - xã Quài Nua	Nhóm C	xã Quài Nua	2026	2028	- Xây dựng 06 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 mỗi nhà cho các bản Ten, bản Cỏ, bản Minh Thắng, bản Giảng, bản Chá, bản Pha Nàng. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 01 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Mạ Khúa; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông...		11.500	11.500			11.500					
7	Nhà văn hóa - thể thao các bản: Thắm Pao, Hua Ca, bản Lạ, bản Mỏn, Ên Pẩu, Póm Ban, Lê Xôm, Hời Nọ, bản Biêng - xã Quài Tở	Nhóm C	xã Quài Tở	2026	2028	- Xây dựng 08 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 mỗi nhà cho các bản Hua Ca, bản Lạ, bản Mỏn, bản Ên Pẩu, bản Póm Ban, bản Lê Xôm, bản Hời Nọ, bản Biêng. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 01 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Thắm Pao; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông...		14.900	14.900			14.900					
8	Nhà văn hóa - thể thao các bản: bản Nong Luông, bản Xá Nhé, bản Bón B - xã Rạng Đông; Bản Trung Đình, bản Xá Tụ, bản Khó Bua - xã Pú Nhung; bản Xá Tụ, Hả Dừa, Thắm Nặm - xã Tênh Phông	Nhóm C	Bản Nong Luông, bản Xá Nhé, bản Bón B	2026	2028	- Xây dựng 03 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd = 200m2 mỗi nhà cho các bản Nong Luông, bản Xá Nhé, bản Bón B. Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông...		14.900	14.900			14.900					
9	Nhà văn hóa các bản: Huổi Cây, Pú Piến, Gia Bóp, Lúm, Ta Pao, Nà Chua, Huổi Kha, Xuân Tươi, Hóm Hóc	Nhóm C	xã Mường Mùn	2026	2028	- Xây dựng 07 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 cho các bản Gia Bóp, Lúm, Ta Pao, Nà Chua, Huổi Kha, Xuân Tươi, Hóm Hóc. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 02 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Huổi Cây, Pú Piến; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông...		13.200	13.200			13.200					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD/CB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
10	Nhà văn hóa các bản: Thẩm Mú, Pú Xi 1, Hát Khoang, Hua Múc 3, Thẩm Táng, Hua Mùn, Hua Múc 1	Nhóm C	xã Pú Xi	2026	2028	- Xây dựng 03 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 cho các bản Thẩm Táng, Hua Mùn, Hua Múc 1. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, công, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 04 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Thẩm Mú, Pú Xi 1, Hát Khoang, Hua Múc 3; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, công, tường rào, sân bê tông...		11.000	11.000			11.000			
	Lĩnh vực đầu tư: giao thông							73.800	73.800			73.800			
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							73.800	73.800			73.800			
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							73.800	73.800			73.800			
1	Đường từ trung tâm xã Pú Nhung sang Rạng Đông (ngã 3 đi ta ma)	Nhóm C	Pú Nhung - Rạng đông	2026	2030	Tổng chiều dài L=13km; Sửa chữa tại vị trí mặt đường bê tông xuống cấp; Gia cố lề; Bố trí điểm tránh xe, phòng vệ và các công trình thoát nước trên tuyến		14.950	14.950			14.950			
2	Đường nội bản và đường đi khu sản xuất các bản Rạng Đông, Năm Mu, Bon A, Bon B, Háng Á	Nhóm C	xã Rạng Đông	2026	2030	Chiều dài khoảng 6,0 Km, đường GTNT C		14.950	14.950			14.950			
3	Đường nội bản và đường đi khu sản xuất bản Huổi Anh xã Tênh Phông	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2030	Gia cố lề 4,5km đường bê tông đã có. Xây dựng mới các tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 5,2km với quy mô đường GTNT cấp C miền núi		14.950	14.950			14.950			
4	Đường nội bản và đường đi khu sản xuất bản Ten Hón xã Tênh Phông	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2030	Chiều dài khoảng 6,0 Km, đường GTNT C		14.950	14.950			14.950			
5	Đường nội đồng các bản Xuân Tươi, bản Lúm, bản Hốc Hóm, bản Mường 1 xã Mường Mùn	Nhóm C	xã Mường Mùn	2026	2030	Chiều dài khoảng 4,5 Km, đường GTNT C + ngầm trần		14.000	14.000			14.000			
	Lĩnh vực đầu tư: Giáo dục, đào tạo và dạy nghề							111.900	111.900			111.900			
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							111.900	111.900			111.900			
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							111.900	111.900			111.900			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bổ trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó; vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó; vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó; vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
1	Trường TH số 2 Quai Cang và Trường THCS Quai Cang	Nhóm C	xã Quai Cang	2026	2028	- Trường TH số 2 Quai Cang: Xây mới phòng học 06 ở trung tâm; Các hạng mục phụ trợ (02 nhà vệ sinh; tường bao 200m; sân 1200 m2. - Trường THCS Quai Cang: Xây mới nhà đa năng, WC, PCCC, sân ...; xây mới 110m kè sau đây phòng học		11.000	11.000			11.000					
2	Trường THCS Quai Nưa	Nhóm C	xã Quai Nưa	2026	2028	- Xây mới phòng bộ môn: 06 phòng; - Xây mới nhà ban giám hiệu + thư viện		10.000	10.000			10.000					
3	Trường PTDTBT TH&THCS Pá Xi	Nhóm C	xã Pá Xi	2026	2028	- Xây mới Phòng học: 04; - Xây mới phòng học bộ môn: 06; - Xây mới nhà đa năng - Phòng nội trú 08, phòng công vụ 04 phòng.		14.500	14.500			14.500					
4	Trường TH Mùn Chung và Trường PTDTBT THCS Mùn Chung	Nhóm C	xã Mùn Chung	2026	2028	- Xây mới phòng học bộ môn: 06 phòng; nhà ăn, nhà tắm, tường bao 600m; - Xây mới 05 phòng công vụ; - Xây mới tắm, nhà vệ sinh khu nội trú; - Xây mới nhà đa năng, Sân bóng, Tường bao 400m		14.500	14.500			14.500					
5	Trường PTDTBT TH Rạng Đông	Nhóm C	xã Rạng Đông	2026	2028	- Xây mới phòng học: 06 phòng; - Xây mới phòng bộ môn: 06 phòng; - Xây mới 20 phòng nội trú; Nhà đa năng; - xây mới nhà ăn, bếp, nhà vệ sinh cho HS.		14.950	14.950			14.950					
6	Trường PTDTBT TH Ta Ma	Nhóm C	xã Ta Ma	2026	2028	- San lấp mặt bằng - Phòng học: 16 phòng; - Phòng bộ môn: 06 phòng; - Phòng quản trị hành chính: 08 phòng, thư viện, thiết bị; Nhà đa năng - Khối phòng phụ trợ: 04 phòng; - Các hạ tầng kỹ thuật; Các hạng mục phụ trợ khác;		28.000	28.000			28.000					
7	Trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phông	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2028	- Xây mới Phòng học: 06 phòng; - Xây mới phòng bộ môn: 06 phòng; - Xây mới phòng nội trú: 12 phòng; - Xây mới 01 nhà Đa năng - xây mới bếp, 01 nhà ăn.		14.950	14.950			14.950					
8	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	Nhóm C	xã Phình Sáng	2026	2028	- Xây 01 nhà đa năng		4.000	4.000			4.000					
	Lĩnh vực đầu tư: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn							69.500	69.500			69.500					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú			
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Tổng số	Trung đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							69.500	69.500			69.500					
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							69.500	69.500			69.500					
1	Cấp nước Nông nghiệp khu vực Huổi Anh, xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Tênh Phong	2026	2030	Xây dựng đập dâng trên suối Huổi Anh; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 6km, ống nhánh dài khoảng 8km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		12.500	12.500			12.500					
2	Cấp nước Nông nghiệp khu vực Ten Hòn, xã Tênh Phong, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Tênh Phong	2026	2030	Xây dựng Đường quản lý, cải tạo lòng hồ, đập dâng; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 5km, ống nhánh dài khoảng 9km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		14.500	14.500			14.500					
3	Cấp nước Nông nghiệp các bản Sông Ia, Tỏa Tinh, xã Tỏa Tinh và bản Ten, xã Quải Nưa, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Tỏa Tinh + Quải Nưa	2026	2030	Xây dựng đập dâng trên suối Hả Dơ Tu; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 10km, ống nhánh dài khoảng 8km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		12.000	12.000			12.000					
4	Cấp nước Nông nghiệp bản Hua Múc 3, xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Pú Xi	2026	2030	Xây dựng đập dâng trên suối Cảnh Luông; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 5km, ống nhánh dài khoảng 8km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		12.000	12.000			12.000					
5	Kè bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bản Mường 1, Mường 2	Nhóm C	xã Mường mùn	2026	2030	Xây dựng tuyến kè chiều dài dự kiến khoảng 1,2 km chiều cao tường H=2m -> 3m, kết cấu BTCT		14.500	14.500			14.500					
6	Kè bảo vệ đất sản xuất bản Hóm Hốc	Nhóm C	Xã Mường Mùn	2026	2030	Xây dựng tuyến kè chiều dài dự kiến khoảng 0,35 km chiều cao tường H=1,5m -> 2,5m, kết cấu BTCT		4.000	4.000			4.000					
V	Huyện Mường Chà							420.500	420.500			420.500					
1	Dự Án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							420.500	420.500			420.500			
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							420.500	420.500			420.500			
*	Thị trấn														
1	Trường Tiểu học Thị trấn Mường Chà	C	Thị trấn	2027	2028	Xây dựng mới (18 phòng học, 12 phòng chức năng, 10 phòng hiệu bộ, các tổ chuyên môn, 20 phòng bán trú)		36.000	36.000			36.000			
2	Trường THCS Thị trấn Mường Chà	C	Thị trấn	2027	2029	Đầu tư xây mới khu học tập, vui chơi, nhà nội trú		50.000	50.000			50.000			
3	Trường Mầm non Thị trấn Mường Chà (điểm trung tâm)	C	Thị trấn	2026	2027	20 phòng học và phòng chức năng; 10 phòng làm việc		40.000	40.000			40.000			
4	Nâng cấp sân vận động huyện	C	#REF!	#REF!	#REF!	Nâng cấp khán đài, mặt sân, phòng chức năng, hạng mục phụ trợ		20.000	20.000			20.000			
*	Nà Sang														
5	Nâng cấp, mở rộng Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Nà Sang	C	Nà Sang	2027	2028	9 phòng học; 12 phòng chức năng; 10 phòng hiệu bộ, 17 phòng bán trú		28.000	28.000			28.000			
6	Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non số 1 Nà Sang	C	Nà Sang	2026	2027	7 phòng học, 4 phòng chức năng, 3 phòng công vụ		15.000	15.000			15.000			
*	Pa Ham														
7	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT Tiểu học Mường Anh, xã Pa Ham	C	Pa Ham	2026	2027	4 phòng học; 5 phòng công vụ; 12 phòng chức năng; 16 phòng nội trú		12.500	12.500			12.500			
8	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Mường Anh, xã Pa Ham	C	Pa Ham	2026	2027	8 phòng học; 6 phòng công vụ; 6 phòng chức năng; 10 phòng nội trú, 1 nhà đa năng, 1 bếp ăn		25.000	25.000			25.000			
*	Xã Sa Lông														
9	Nâng cấp, sửa chữa PTDTBT THCS Sa Lông	C	Sa Lông	2026	2027	09 phòng học, nhà nội trú học sinh + bếp, nhà ăn, Sửa chữa 02 nhà lớp học 06 phòng		15.000	15.000			15.000			
*	Xã Ma Thi hồ														
10	Nâng cấp, mở rộng Sửa chữa, nâng cấp trường PTDTBT Tiểu học Ma Thi Hồ	C	Ma Thi Hồ	2027	2028	18 phòng học; 9 phòng chức năng		26.000	26.000			26.000			
*	Xã Nậm Nèn														



STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCH
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
11	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT Tiểu học Năm Nền	C	Năm Nền	2027	2028	2 dãy nhà 2 tầng 16 phòng, Nhà đa năng; 6 phòng công vụ; 4 phòng chức năng; 15 phòng nội trú; nhà hiệu bộ		30.000	30.000			30.000					
12	Sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Năm Nền	C	Năm Nền	2029	2030	3 phòng hiệu bộ, 01 phòng họp, 5 phòng đoàn thể, tổ khối, 6 phòng chức năng		15.000	15.000			15.000					
13	Chợ phiên xã Năm Nền	C	Năm Nền	2025	2027	1 chợ (2.500m2)		3.000	3.000			3.000					
*	Xã Huổi Lèng																
14	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	C	Huổi Lèng	2029	2030	Đầu tư xây mới khu học tập, vui chơi, nhà nội trú		40.000	40.000			40.000					
*	Xã Mường Tùng																
15	Trường Mầm non Mường Tùng	C	Mường Tùng	2029	2030	5 phòng học, 10 phòng công vụ, 4 phòng chức năng, 9 phòng hiệu bộ		15.000	15.000			15.000					
*	Xã Huổi Mí																
16	Nâng cấp, mở rộng trường Năm non Huổi Mí	C	Huổi Mí	2029	2030	2 phòng học, 2 phòng công vụ, 4 phòng chức năng, 1 phòng thư viện		10.000	10.000			10.000					
17	Đường từ bản Long Tạo, xã Huổi Mí, huyện Mường Chà - bản Hua Mức 3, xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	C	Huổi Mí	2028	2030	Dài 500m (đường dẫn và cầu)		15.000	15.000			15.000					
18	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Chà, huyện Mường Chà	C	H. Mường Chà	2028	2030	60 phòng ở nội trú cho học sinh; cải tạo, nâng cấp nhà lớp học bộ môn, nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ		25.000	25.000			25.000			Sở GD&ĐT đề nghị		
VI	Huyện Điện Biên Đông							278.351	278.351			278.351					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường Na Sang - Nong U - Trung Phú	C	xã Nong U, xã Na Son			15 km, cấp VI MN		60.000	60.000			60.000					
2	Nâng cấp Tuyến đường Phi Nhừ - Xa Dung	C	xã Xa Dung, xã Phi Nhừ			15 km, GTNT cấp B		35.000	35.000			35.000					
3	NC đường Huổi Sông (xã Háng Lía) - Phình Giăng	C	xã Háng Lía, xã Phình Giăng			3 km, GTNT cấp C		10.000	10.000			10.000					
4	NC, mở rộng trường Mầm non Ban Mai, xã Xa Dung	C	xã Xa Dung			6 phòng học		6.584	6.584			6.584					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn hỗ trợ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
5	NC, mở rộng trường Mầm non Tia Dĩnh, xã Tia Dĩnh	C	xã Tia Dĩnh			10 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		7.507	7.507			7.507					
6	NC, mở rộng trường Mầm non Háng Trọ, xã Pu Nhi	C	xã Pu Nhi			10 phòng học mới, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		7.853	7.853			7.853					
7	NC, mở rộng trường Mầm non Sư Lai, xã Na Son	C	xã Na Son			6 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		5.182	5.182			5.182					
8	NC, mở rộng trường Mầm non Pu Nhi, xã Pu Nhi	C	xã Pu Nhi			7 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các công trình phụ trợ		7.905	7.905			7.905					
9	NC, mở rộng trường Mầm non Suối Lư, xã Phi Nhừ	C	xã Phi Nhừ			10 phòng học, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học và các hạng mục khác		8.679	8.679			8.679					
10	NC, mở rộng trường Mầm non Nong U, xã Nong U	C	xã Nong U			7 phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		5.732	5.732			5.732					
11	NC, mở rộng trường Mầm non Xa Dung, xã Xa Dung	C	xã Xa Dung			7 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các hạng mục khác		5.937	5.937			5.937					
12	NC, mở rộng trường Mầm non Luân Giới, xã Luân Giới	C	xã Luân Giới			5 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		5.628	5.628			5.628					
13	NC, mở rộng trường Mầm non Phình Giàng, xã Phình Giàng	C	xã Phình Giàng			8 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		7.523	7.523			7.523					
14	NC, mở rộng trường Mầm non Phi Nhừ, xã Phi Nhừ	C	xã Phi Nhừ			16 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		13.290	13.290			13.290					
15	NC, mở rộng trường Mầm non Keo Lôm, xã Keo Lôm	C	xã Keo Lôm			6 phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		7.829	7.829			7.829					
16	NC, mở rộng trường Mầm non Hoa Ban, xã Háng Lía	C	xã Háng Lía			7 phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi các hạng mục khác		8.622	8.622			8.622					
17	NC tuyến đường bản Chóng B - bản Háng Tầu xã Xa Dung - xã Mường Bám (huyện Thuận Châu)	C	xã Xa Dung, Sơn La			6 km, GTNT cấp C		12.000	12.000			12.000					
18	NC tuyến đường ngã 3 Cá Chua - bản Huổi Hĩa xã Xa Dung - xã Mường Bám (huyện Thuận Châu)	C	xã Xa Dung, Sơn La			4 km GTNT cấp C		10.000	10.000			10.000					
19	Nâng cấp Đường Km7+400 Na Son - Thảm Mỹ A,B - Nà Sản	C	xã Xa Dung, xã Na Son			10 km GTNT cấp C		18.000	18.000			18.000					
20	NC Đường Mường Luân 1 - Co Kham - Na Hát (Mường Luân) - Pô Sinh (xã Phi Nhừ)	C	xã Mường Luân, xã Phi Nhừ			10 km GTNT cấp C		16.000	16.000			16.000					
21	Nâng cấp đường Na Hay Háng Sưa xã Tia Dĩnh đi Sam Kha (Sơn La)	C	xã Tia Dĩnh, Sơn La			10,6 km GTNT cấp C		19.080	19.080			19.080					
22	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Trần Cao, huyện Điện Biên Đông	C	H. Điện Biên Đông	2028	2030	Xây mới: 01 phòng học, 02 phòng học bộ môn; 01 phòng (thư viện, thiết bị giáo dục, tư vấn học đường, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng quản lý học sinh, phòng sinh hoạt chung)		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị		
VII	Huyện Mường Nhé							328.800	328.800			328.800					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT huyện Mường Nhé	C	H. Mường Nhé	2026	2028	05 phòng học 01 phòng tin giáo dục, 30 phòng ở nội trú, nhà tắm, nhà vệ sinh và hạng mục phụ trợ		14.900	14.900			14.900			Số GD&ĐT đề nghị
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Nhé, huyện Mường Nhé	C	H. Mường Nhé	2028	2030	Nhà ban giám hiệu, 04 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ		18.000	18.000			18.000			Số GD&ĐT đề nghị
(1)	Lĩnh vực giao thông														
1	Đường vào bản Pa Tét xã Huổi Léch	B	Xã Huổi Léch	2026	2028	15km		98.000	98.000			98.000			
2	Đường giao thông nội bản: Các bản Huổi Lụ 1, Huổi Lụ 2, Pá Mý 3, xã Pá Mý	C	Xã Pá Mý	2026	2028	4,5 km		15.500	15.500			15.500			
3	Nâng cấp đường vào bản Huổi Khon 1 và Huổi Khon 2	C	Xã Nậm Kê	2026	2028	5,2 km		23.900	23.900			23.900			
4	Nâng cấp đường giao thông Tả Miếu - Km5+900 đường tuần tra biên giới	C	Xã Sìn Thầu	2026	2028	4 km		14.500	14.500			14.500			
5	Nâng cấp đường giao thông vào bản Tả Lỏ San xã Sen Thượng	C	Xã Sen Thượng	2028	2030	13 km		52.000	52.000			52.000			
6	Đường bê tông Vang Hồ - Huổi Cầu, xã Nậm Vỉ	C	Xã Nậm Vỉ	2028	2030	9,8 km		47.000	47.000			47.000			
7	Đường giao thông nội bản bản Co Lát 1, xã Mường Nhé	C	Xã Mường Nhé	2028	2030	5 km		15.000	15.000			15.000			
(2)	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn														
1	1, bản Nậm Kê, bản Phiêng Vai, bản Huổi Hóc, đồn biên phòng Nậm Kê, UBND xã, 4 đơn vị trường học, trạm y tế xã.	C	Xã Nậm Kê	2028	2030	60 h/người/ngày		30.000	30.000			30.000			
C1	ĐƠN VỊ CẤP TỈNH							63.300	63.300			63.300			
I.1	Trường Cao đẳng KTKT							63.300	63.300			63.300			
1	Dự án: Cải tạo, sửa chữa nhà thực hành, Khu ký túc xá cho sinh viên Lào và hạng mục phụ trợ Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện							12.500	12.500			12.500			
2	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc số 1, 2 Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							14.800	14.800			14.800			
3	Nhà thực hành cho các ngành, nghề Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							18.000	18.000			18.000			
4	Dự án: Trại thí nghiệm thực hành Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Điện Biên							18.000	18.000			18.000			
C2	CÁC HUYỆN							2.591.952	2.591.952			2.591.952			
I	Huyện Nậm Pồ							318.900	318.900			318.900			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; nghị, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Dự án khởi công mới/hoặc hiện gini đoạn 2026-2030							318.900	318.900			318.900					
1	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Chà Cang, huyện Năm Pô	C	H. Năm Pô	2026	2028	Xây mới: Nhà đa năng, nhà bếp, nhà ăn, 05 phòng bộ môn, 06 phòng nghỉ giáo viên, 12 phòng nội trú, 6 phòng công vụ, 10 phòng tắm, 12 phòng vệ sinh, tường bao, nhà bảo vệ, kẻ đá, sân trường, gara xe. Hệ thống PCCC		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị		
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Năm Pô	C	H. Năm Pô	2028	2030	GPMB 7.000m2; Nhà đa năng; 30 phòng nội trú; 07 phòng học, 05 phòng bộ môn; 10 phòng công vụ; WC cho học sinh nội trú, ga ga xe và các hạng mục phụ trợ		25.000	25.000			25.000			Sở GD&ĐT đề nghị		
1	Đường Hồ Hải xã Chà Cang- Năm Địch, xã Chà Nua		Xã Chà Cang, Chà Nua			Đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 5,0km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		14.000	14.000			14.000					
2	Sân nền, đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu trung tâm hành chính huyện Năm Pô		Trung tâm huyện			Sân nền khu dân cư với diện tích khoảng 9,8ha; Đầu tư cơ sở hạ tầng khu dân cư, hệ thống thoát nước		70.000	70.000			70.000					
3	Sân nền, đầu tư cơ sở hạ tầng Sân vận động, Công viên cây xanh, đường dạo khu trung tâm hành chính huyện Năm Pô		Trung tâm huyện			Sân nền với diện tích khoảng 6,4ha; Xây mới sân vận động, công viên cây xanh và các hạng mục phụ trợ		73.000	73.000			73.000					
3	Đường bản Năm Tín - Mốc 4 - Tỉnh lộ 145B, xã Năm Tín	C	Xã Năm Tín	2026		Đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 10,0km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		26.000	26.000			26.000					
4	Cầu Năm Hăng và đường đầu nối vào cầu, xã Chà Tờ đi xã Năm Khăn, huyện Năm Pô	B	Chà Tờ	2027		Chiều dài cầu dự kiến L=90m; đường đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 0,5km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		70.000	70.000			70.000					
	Đường Huổi Văng, xã Năm Khăn đi xã Năm Chà, huyện Năm Nhàn		Xã Năm Khăn			Đầu tư theo quy mô đường GTNT A với chiều dài khoảng 1,0km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		7.000	7.000			7.000					
5	Đường bản Phìn Hồ, xã Phìn Hồ đi bản Hồ Cúng, xã Chà Tờ	B	Trung tâm huyện	2027		Đầu tư theo quy mô đường GTNT B với chiều dài khoảng 6,8km, kết cấu mặt đường bê tông xi măng. Hệ thống thoát nước dọc, thoát nước ngang đầy đủ, hoàn chỉnh.		19.000	19.000			19.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Tính toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
II	Huyện Tủa Chùa							369.100	369.100			369.100					
	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							369.100	369.100			369.100					
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							369.100	369.100			369.100					
1	Đầu tư xây dựng, bổ sung cơ sở vật chất Trường THCS và THPT Tả Sín Thàng	C	H. Tủa Chùa	2026	2028	Đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng mới 04 phòng học, nhà đa năng, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ trợ, sửa chữa nhà lớp học		14.800	14.800			14.800			Sở GD&ĐT đề nghị		
2	Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Tủa Chùa	C	H. Tủa Chùa	2026	2028	Xây mới nhà ban giám hiệu, đầu tư bổ sung hệ thống PCCC; cải tạo, nâng cấp, sửa chữa 02 nhà lớp học, nhà đa năng và hạng mục phụ trợ		14.800	14.800			14.800			Sở GD&ĐT đề nghị		
3	Nâng cấp tuyến đường liên xã (từ Cú Dí Sang, xã Tả Phìn đến Lầu Cầu Phình, xã Lao Xá Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Tả Phìn, Lao Xá Phình			4,5km		13.700	13.700			13.700					
4	Đường giao thông liên xã Trung Thu - Tả Phìn, huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Trung Thu, Tả Phìn			9,2km		40.800	40.800			40.800					
5	Đầu tư xây dựng mở mới tuyến đường và các hạng mục phụ trợ hàng động Pô Răng Ky, xã Huổi Sô	C	Xã Huổi Sô			1,5 km và phụ trợ		20.000	20.000			20.000					
6	Nước sinh hoạt trung tâm xã Sinh Phình và các bản lân cận, xã Sinh Phình	C	Xã Sinh Phình			400 hộ dân		10.000	10.000			10.000					
7	Nước sinh hoạt thôn Tủa Thàng, xã Tủa Thàng	C	Xã Tủa Thàng					15.000	15.000			15.000					
8	Hồ treo chứa nước sinh hoạt thôn Máng Chiềng, xã Sín Chải	C	Xã Sín Chải			20.000m3		25.000	25.000			25.000					
9	Kẻ chống sạt lở suối Bản Đùn (từ nhà ông Lò Văn Chấn đến Nong Pô), xã Mường Đùn	C	xã Mường Đùn			3km		20.000	20.000			20.000					
10	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường liên xã (từ thôn Páo Tính Láng 2, xã Tả Sín Thàng đến Cam Hồ, xã Huổi Sô), xã Tả Sín Thàng	C	Xã Tả Sín Thàng			25km		30.000	30.000			30.000					
11	Nâng cấp bê tông đường từ Páo Tính Láng 1 đi Phàng Mú Phình, xã Tả Sín Thàng	C	Xã Tả Sín Thàng			8km		25.000	25.000			25.000					
12	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã (ngã ba Tả Sín Thàng - Lao Xá Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Tả Sín Thàng, Lao Xá Phình			7km		15.000	15.000			15.000					
13	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường liên xã (Trung Thu - Lao Xá Phình), huyện Tủa Chùa	C	Các xã: Trung Thu, Lao Xá Phình			4,5km		10.000	10.000			10.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XD CB	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
14	Nâng cấp tuyến đường liên xã (từ Tỉnh B, xã Xá Nhỏ đến xã Phình Sáng, huyện Tuấn Giáo), xã Xá Nhỏ	C	Xá Xá Nhỏ					20.000	20.000			20.000			
15	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thôn Phi Giảng 1 (từ Ché Ca đến Hán Di), xã Tủa Thàng	C	Xá Tủa Thàng			5km		20.000	20.000			20.000			
16	Đầu tư xây dựng mở mới tuyến đường và các hạng mục phụ trợ hạng động Chua Pô, xã Lao Xá Phình	C	Xá Lao Xá Phình			500m và phụ trợ		8.000	8.000			8.000			
17	Đầu tư xây dựng mới tuyến đường nội thôn Làng Vưa (từ đường trục thôn Làng Vưa - nhà ông Giảng A Sứ - Đợ Khua Dừa vào thôn Tủa Thàng), xã Tủa Thàng	C	Xá Tủa Thàng			2 km		20.000	20.000			20.000			
18	Nước sinh hoạt các thôn Phai Tung, Tiên Phong, xã Mường Báng	C	Xá Mường Báng			200 hộ dân		10.000	10.000			10.000			
19	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường nội thôn trên địa bàn xã Mường Báng	C	Xá Mường Báng			20km		20.000	20.000			20.000			
20	Đầu tư xây dựng bến thuyền thôn Nậm Bành, xã Huổi Sô	C	Xá Huổi Sô					7.000	7.000			7.000			
21	Đầu tư xây dựng bến thuyền thôn Huổi Sô 2, xã Huổi Sô	C	Xá Huổi Sô					10.000	10.000			10.000			
III	Huyện Mường Ảng							208.800	208.800			208.800			
1	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường FTDINT THPT huyện Mường Ảng	C	H. Mường Ảng	2026	2028	Đền bù giải phóng mặt bằng, san nền, kẻ đá, hàng rào, 04 phòng học, 12 phòng ở nội trú, 02 nhà vệ sinh, nhà tắm, bể nước mở rộng nhà ăn, nhà bếp, phòng học bổ môn 03 phòng		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị
2	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Mường Ảng	C	H. Mường Ảng	2026	2028	Xây mới nhà ban giám hiệu, sửa chữa nhà các nhà lớp học và hạng mục phụ trợ		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị
	Huyện đề xuất							179.000	179.000			179.000			
I	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030														
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							179.000	179.000			179.000			
II.1	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							179.000	179.000			179.000			
1	Trường tiểu học thị trấn Mường Ảng	C	TT Mường Ảng	2026	2030	Xây tại vị trí mới 1,2ha		50.000	50.000			50.000			
2	Sân vận động xã Nậm Lịch	C	Xá Nậm Lịch	2026	2030	Diện tích 1,01 ha		5.000	5.000			5.000			

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Thanh toán nợ XDCB	Thu hồi các khoản nợ trước								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
3	Nâng cấp, cải tạo sân vận động thị trấn Mường Ảng	C	TT Mường Ảng	2026	2030	S = 0,65ha (cải tạo nâng cấp các hạng mục: rãnh thoát nước, đường nội bộ, hàng rào, mặt cỏ nhân tạo, ...)		5.000	5.000			5.000					
4	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ tại Trường THCS Ấng Nưa	C	Xã Ấng Nưa	2026	2030	Nhà đa năng 300m2, bể bơi 400m2 (có mái che), các hạng mục phụ trợ, hệ thống PCCC đồng bộ hoàn chỉnh		9.000	9.000			9.000					
5	Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ tại Trường tiểu học Ấng Nưa	C	Xã Ấng Nưa	2026	2030	Nhà đa năng 300m2, các hạng mục phụ trợ, hệ thống PCCC đồng bộ hoàn chỉnh		6.000	6.000			6.000					
6	Xây dựng và nâng cấp các hạng mục phụ trợ và cơ sở hạ tầng tại các trường học xã xã Búng Lao	C	Xã Búng Lao	2026	2030	Hạng mục phòng cháy chữa cháy và hạ tầng phụ trợ: Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) bao gồm: bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC hoàn chỉnh. Xây dựng nhà vệ sinh 02 tầng với 18 chỗ ngồi. Lát sân trường diện tích 2000 m². Xây dựng các bồn hoa (tổng cộng 20 bồn) và các công trình cảnh quan phụ trợ khác. Hạng mục lớp học và phòng công vụ: Xây mới 01 nhà lớp học gồm 02 phòng tại Trường Mầm non cơ sở 2 xã Búng Lao. Xây dựng nhà lớp học 01 phòng tại điểm trường bản Pá Sảng, kèm phòng công vụ. Tổng diện tích lát gạch sân trường là 300 m². Các hạng mục phụ trợ: Hoàn thiện sân bê tông, xây dựng tường bao quanh trường học; Xây dựng cổng trường, lắp đặt hệ thống nhà vệ sinh (tại điểm trường bản Pá Sảng với 04 chỗ ngồi).		8.500	8.500			8.500					
7	Xây dựng và nâng cấp các hạng mục phụ trợ và cơ sở hạ tầng tại các trường học xã Xuân Lao	C	Xã Xuân Lao	2026	2030	Nhà hiệu bộ và các phòng học chuyên môn 02 tầng ; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Nhà vệ sinh 02 gian; Kê bê tông dài 50m, cao 4m		6.500	6.500			6.500					
8	Xây dựng và nâng cấp các hạng mục phụ trợ và cơ sở hạ tầng tại các trường học xã Mường Lạn	C	Xã Mường Lạn	2026	2030	Nhà lớp học bộ môn 06 phòng 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Các hạng mục phụ trợ đổ BT sân 1000m2, xây bồn hoa; Nhà lớp học bộ môn 06 phòng 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Các hạng mục phụ trợ...		19.500	19.500			19.500					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ nguồn công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
9	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường xã Ấng Tở	C	Xã Ấng Tở	2026	2030	Xây dựng nhà lớp học và các phòng hành chính tại Trường Mầm non xã Ấng Tở:Nhà lớp học 02 tầng và các phòng hành chính; Hệ thống PCCC đồng bộ với bể nước PCCC, nhà để máy bơm.Hạng mục phụ trợ: lát sân 800m ² , cổng, hàng rào, và bồn hoa.Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại Điểm trường bán Thổ, Trường PTDTBT Tiểu học Bán Bua:Nhà lớp học 01 phòng và phòng công vụ giáo viên.Hạng mục phụ trợ: nhà vệ sinh, cổng, hàng rào, sân bê tông.Xây dựng hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ tại Trường THCS xã Ấng Tở.Hệ thống PCCC hoàn chỉnh.Hạng mục phụ trợ: lát sân 2.500m ² , hệ thống bồn hoa		11.500	11.500			11.500					
10	Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại các điểm trường xã Ấng Tở	C	Xã Ấng Tở	2026	2030	Xây dựng nhà lớp học và các phòng hành chính tại Trường Mầm non xã Ấng Tở:Nhà lớp học 02 tầng và các phòng hành chính; Hệ thống PCCC đồng bộ với bể nước PCCC, nhà để máy bơm.Hạng mục phụ trợ: lát sân 800m ² , cổng, hàng rào, và bồn hoa.Xây dựng nhà lớp học và các hạng mục phụ trợ tại Điểm trường bán Thổ, Trường PTDTBT Tiểu học Bán Bua:Nhà lớp học 01 phòng và phòng công vụ giáo viên.Hạng mục phụ trợ: nhà vệ sinh, cổng, hàng rào, sân bê tông.Xây dựng hệ thống PCCC và các hạng mục phụ trợ tại Trường THCS xã Ấng Tở.Hệ thống PCCC hoàn chỉnh.Hạng mục phụ trợ: lát sân 2.500m ² , hệ thống bồn hoa		6.000	6.000			6.000					
11	Xây dựng nhà lớp học + các phòng hành chính và các hạng mục phụ trợ tại Trường Mầm non xã Mường Đăng	C	Xã Mường Đăng	2026	2030	Xây dựng nhà lớp học bộ môn và các phòng hành chính + các hạng mục phụ trợ. Hệ thống PCCC đồng bộ hoàn chỉnh		5.000	5.000			5.000					
12	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Xuân Lao	C	Xã Xuân Lao	2026	2030	Nhà hiệu bộ và các phòng học chuyên môn 02 tầng; Bể nước PCCC, nhà để máy bơm, hệ thống PCCC; Nhà vệ sinh 02 gian; Kê bê tông dài 50m, cao 4m		5.000	5.000			5.000					
13	Sân vận động xã Mường Đăng	C	Xã Mường Đăng	2026	2030	Diện tích 1,01ha		5.000	5.000			5.000					
14	Sân vận động xã Ngồi Cáy	C	Xã Ngồi Cáy	2026	2030	Diện tích 0,35a		6.000	6.000			6.000					
15	Nâng cấp đường từ QL 279 đi trụ sở UBND xã Búng Lao	C	Xã Búng Lao	2026	2030	Đường cấp V, mặt BT nhựa, rãnh thoát nước, vỉa hè; Chiều dài L ≈ 1,0km,		10.000	10.000			10.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
16	Đường từ bản Chùa Sầu xã Xuân Lao đi bản Ca Tầu, xã Xa Dung, huyện Điện Biên Đông	C	Xã Xuân Lao	2026	2030	Chiều dài L=3 km, Đường GTNT B, Mặt đường BTXM, Hệ thống thoát nước		6.000	6.000			6.000					
17	Sân vận động xã Mường Lạn	C	Xã Mường Lạn	2026	2030	S = 13.000m2		5.000	5.000			5.000					
18	Đường đi khu sản xuất bản Bua I, II và Huổi Hóm, xã Áng Tở	C	Xã Áng Tở	2026	2030	Đường giao thông nông thôn C, cấp phối với L = 5,0Km, Công trình trên tuyến		5.000	5.000			5.000					
19	Khu thể thao xã Áng Tở	C	Xã Áng Tở	2026	2030	Diện tích 1 ha		5.000	5.000			5.000					
IV	Huyện Tuần Giáo							389.150	389.150			389.150					
*	Dự án 1 : Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo																
-	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo																
I	Lĩnh vực đầu tư: Văn hóa, thể thao và du lịch							133.950	133.950			133.950					
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							133.950	133.950			133.950					
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							133.950	133.950			133.950					
1	Sân thể thao các xã: Mường Mùn, Mùn Chung, Nà Tông, Pú Xi, Chiềng Đông	Nhóm C	Các xã: Mường Mùn, Mùn Chung, Nà Tông, Pú Xi, Chiềng Đông	2026	2028	Sân thể thao mỗi xã diện tích 1ha và các hạng mục phụ trợ khác như GPMB, sân nền, kê đá, đường xung quang sân..		14.000	14.000			14.000					
2	Sân thể thao + nhà đa năng xã Quải Nưa	Nhóm C	Xã Quải Nưa	2026	2028	Sân thể thao mỗi xã diện tích 1ha và các hạng mục phụ trợ khác như GPMB, sân nền, kê đá, đường xung quang sân..		14.500	14.500			14.500					
3	Sân thể thao + nhà đa năng xã Quải Tở	Nhóm C	xã Quải Tở	2026	2028	Sân thể thao mỗi xã diện tích 1ha và các hạng mục phụ trợ khác như GPMB, sân nền, kê đá, đường xung quang sân..		14.500	14.500			14.500					
4	Chợ nông thôn các xã: Quải Cang, Quải Nưa, Quải Tở, Chiềng Sinh, Chiềng Đông	Nhóm C	Các xã: Quải Cang, Quải Nưa, Quải Tở, Chiềng Sinh, Chiềng Đông	2026	2028	Mỗi xã Chợ diện tích khoảng 3.000 m2 đầu tư các hạng mục như: Sân nền, hệ thống kê, đường giao thông nội bộ, rãnh thoát nước, hệ thống cấp điện, nước, nhà vệ sinh...		14.950	14.950			14.950					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
5	Nhà văn hóa - thể thao các bản: Bản Cá, bản Cuông, bản Phụng, bản Phú, bản Nát, bản Sáng - xã Quải Cang	Nhóm C	xã Quải Cang	2026	2028	Xây dựng 06 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd = 200m2 mỗi nhà cho các bản. Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông..		10.500	10.500			10.500					
6	Nhà văn hóa - thể thao các bản: bản Ten, bản Cọ, bản Minh Thắng, bản Giảng, bản Chá, bản Pha Năng, bản Mạ Khúa - xã Quải Nua	Nhóm C	xã Quải Nua	2026	2028	- Xây dựng 06 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 mỗi nhà cho các bản Ten, bản Cọ, bản Minh Thắng, bản Giảng, bản Chá, bản Pha Năng. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 01 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Mạ Khúa; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông..		11.500	11.500			11.500					
7	Nhà văn hóa - thể thao các bản: Thảm Pao, Hua Ca, bản Lạ, bản Món, Ến Pẩu, Pom Ban, Lẻ Xôm, Hới Nọ, bản Biêng - xã Quải Tở	Nhóm C	xã Quải Tở	2026	2028	- Xây dựng 08 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 mỗi nhà cho các bản Hua Ca, bản Lạ, bản Món, bản Ến Pẩu, bản Pom Ban, bản Lẻ Xôm, bản Hới Nọ, bản Biêng. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 01 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Thảm Pao; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông..		14.900	14.900			14.900					
8	Nhà văn hóa - thể thao các bản: bản Nong Luông, bản Xá Nhè, bản Bon B - xã Rạng Đông; Bản Trung Đình, bản Xá Tỵ, bản Khó Bua - xã Pá Nhung; bản Xá Tỵ, Hả Dừa, Thảm Nấm - xã Tênh Phóng	Nhóm C	Bản Nong Luông, bản Xá Nhè, bản Bon B	2026	2028	- Xây dựng 03 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 mỗi nhà cho các bản Nong Luông, bản Xá Nhè, bản Bon B. Các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông..		14.900	14.900			14.900					
9	Nhà văn hóa các bản: Huồi Cây, Pú Piến, Gia Bọp, Lúm, Ta Pao, Nà Chua, Huồi Khạ, Xuân Tươi, Hóm Hóc	Nhóm C	xã Mường Mùn	2026	2028	- Xây dựng 07 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 cho các bản Gia Bọp, Lúm, Ta Pao, Nà Chua, Huồi Khạ, Xuân Tươi, Hóm Hóc. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 02 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Huồi Cây, Pú Piến; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông..		13.200	13.200			13.200					
10	Nhà văn hóa các bản: Thảm Mú, Pú Xi 1, Hát Khoang, Hua Múc 3, Thảm Táng, Hua Mùn, Hua Múc 1	Nhóm C	xã Pú Xi	2026	2028	- Xây dựng 03 nhà văn hóa kết hợp với nhà thể thao DTxd= 200m2 cho các bản Thảm Táng, Hua Mùn, Hua Múc 1. Xây dựng các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông... - Xây dựng 04 nhà văn hóa Sxd=100m2 cho bản Thảm Mú, Pú Xi 1, Hát Khoang, Hua Múc 3; các hạng mục phụ trợ khác: Nhà vệ sinh, cổng, tường rào, sân bê tông..		11.000	11.000			11.000					



STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
	Lĩnh vực đầu tư: giao thông							73.800	73.800			73.800					
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							73.800	73.800			73.800					
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							73.800	73.800			73.800					
1	Đường từ trung tâm xã Pú Nhung sang Rạng Đông (ngã 3 đi ta ma)	Nhóm C	Pú Nhung - Rạng đông	2026	2030	Tổng chiều dài L=13km; Sửa chữa tại vị trí mặt đường bê tông xuống cấp; Gia cố lề; Bố trí điểm tránh xe, phòng vệ và các công trình thoát nước trên tuyến		14.950	14.950			14.950					
2	Đường nội bản và đường đi khu sản xuất các bản Rạng Đông, Nậm Mú, Bón A, Bón B, Háng Á	Nhóm C	xã Rạng Đông	2026	2030	Chiều dài khoảng 6,0 Km, đường GTNT C		14.950	14.950			14.950					
3	Đường nội bản và đường đi khu sản xuất bản Huổi Anh xã Tênh Phông	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2030	Gia cố lề 4,5km đường bê tông đã có. Xây dựng mới các tuyến đường với tổng chiều dài khoảng 5,2km với quy mô đường GTNT cấp C miền núi		14.950	14.950			14.950					
4	Đường nội bản và đường đi khu sản xuất bản Ten Hon xã Tênh Phông	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2030	Chiều dài khoảng 6,0 Km, đường GTNT C		14.950	14.950			14.950					
5	Đường nội đồng các bản Xuân Tươi, bản Lúm, bản Hắc Hòm, bản Mường 1 xã Mường Mùn	Nhóm C	xã Mường Mùn	2026	2030	Chiều dài khoảng 4,5 Km, đường GTNT C + ngầm trần		14.000	14.000			14.000					
	Lĩnh vực đầu tư: Giáo dục, đào tạo và dạy nghề							111.900	111.900			111.900					
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							111.900	111.900			111.900					
n)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							111.900	111.900			111.900					
1	Trường TH số 2 Quải Cang và Trường THCS Quải Cang	Nhóm C	xã Quải Cang	2026	2028	- Trường TH số 2 Quải Cang: Xây mới phòng học 06 ở trung tâm; Các hạng mục phụ trợ (02 nhà vệ sinh; tương đương 200m; sân 1200 m2. - Trường THCS Quải Cang: Xây mới nhà đa năng, WC, PCCC, sân ...; xây mới 110m kẻ sau dãy phòng học		11.000	11.000			11.000					
2	Trường THCS Quải Nua	Nhóm C	xã Quải Nua	2026	2028	- Xây mới phòng bộ môn: 06 phòng; - Xây mới nhà ban giám hiệu + thư viện		10.000	10.000			10.000					
3	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Xi	Nhóm C	xã Pú Xi	2026	2028	- Xây mới Phòng học 04; - Xây mới phòng học bộ môn: 06; - Xây mới nhà đa năng - Phòng nội trú 08, phòng công vụ 04 phòng.		14.500	14.500			14.500					

134

STT	Đanh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
4	Trường TH Mùn Chung và Trường PTDTBT THCS Mùn Chung	Nhóm C	xã Mùn Chung	2026	2028	- Xây mới phòng phòng bộ môn: 06 phòng; nhà ăn, nhà tắm, tường bao 600m; - Xây mới 05 phòng công vụ; - Xây mới tắm, nhà vệ sinh khu nội trú; - Xây mới nhà đa năng, Sân bóng, Tường bao 400m		14.500	14.500			14.500					
5	Trường PTDTBT TH Rạng Đông	Nhóm C	xã Rạng Đông	2026	2028	- Xây mới phòng học: 06 phòng; - Xây mới phòng bộ môn: 06 phòng; - Xây mới 20 phòng nội trú; Nhà đa năng; - xây mới nhà ăn, bếp, nhà vệ sinh cho HS.		14.950	14.950			14.950					
6	Trường PTDTBT TH Ta Ma	Nhóm C	xã Ta Ma	2026	2028	- San lấp mặt bằng - Phòng học: 16 phòng; - Phòng bộ môn: 06 phòng;		28.000	28.000			28.000					
7	Trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phông	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2028	- Xây mới Phòng học: 06 phòng; - Xây mới phòng bộ môn: 06 phòng; - Xây mới phòng nội trú: 12 phòng; - Xây mới 01 nhà Đa năng - xây mới bếp, 01 nhà ăn.		14.950	14.950			14.950					
8	Trường PTDTBT TH Nậm Dìn	Nhóm C	xã Phình Sáng	2026	2028	- Xây 01 nhà đa năng		4.000	4.000			4.000					
	Lĩnh vực đầu tư: Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn							69.500	69.500			69.500					
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							69.500	69.500			69.500					
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							69.500	69.500			69.500					
1	Cấp nước Nông nghiệp khu vực Huổi Anh, xã Tênh Phông, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2030	Xây dựng đập dâng trên suối Huổi Anh; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 6km, ống nhánh dài khoảng 8km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		12.500	12.500			12.500					
2	Cấp nước Nông nghiệp khu vực Ten Hon, xã Tênh Phông, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Tênh Phông	2026	2030	Xây dựng Đường quản lý, cải tạo lòng hồ, đập dâng; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 5km, ống nhánh dài khoảng 9km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		14.500	14.500			14.500					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
3	Cấp nước Nông nghiệp các bản Sông Ia, Tòa Tinh, xã Tòa Tinh và bản Ten, xã Quải Nua, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Tòa Tinh + Quải Nua	2026	2030	Xây dựng đập dâng trên suối Há Dơ Tu; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 10km, ống nhánh dài khoảng 8km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		12.000	12.000			12.000					
4	Cấp nước Nông nghiệp bản Hua Múc 3, xã Pú Xi, huyện Tuần Giáo	Nhóm C	xã Pú Xi	2026	2030	Xây dựng đập dâng trên suối Cảnh Luông; hệ thống đường ống cấp nước từ đập dâng với chiều dài ống chính khoảng 5km, ống nhánh dài khoảng 8km và các công trình trên tuyến gồm: Hồ van điều tiết, chia nước; bể tập trung		12.000	12.000			12.000					
5	Kê bảo vệ đất sản xuất nông nghiệp bản Mường 1, Mường 2	Nhóm C	xã Mường mèn	2026	2030	Xây dựng tuyến kê chiều dài dự kiến khoảng 1,2 km chiều cao tường H=2m +/- 3m, kết cấu BTCT		14.500	14.500			14.500					
6	Kê bảo vệ đất sản xuất bản Hóm Hóc	Nhóm C	Xã Mường Mùn	2026	2030	Xây dựng tuyến kê chiều dài dự kiến khoảng 0,35 km chiều cao tường H=1,5m +/- 2,5m, kết cấu BTCT		4.000	4.000			4.000					
V	Huyện Mường Chà							698.851	698.851			698.851					
	Danh mục của huyện							673.851	673.851			673.851					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030							395.500	395.500			395.500					
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030							395.500	395.500			395.500					
*	Thị trấn																
1	Trường Tiểu học Thị trấn Mường Chà	C	Thị trấn	2027	2028	Xây dựng mới (18 phòng học, 12 phòng chức năng, 10 phòng hiệu bộ, các tổ chuyên môn, 20 phòng bán trú)		36.000	36.000			36.000					
2	Trường THCS Thị trấn Mường Chà	C	Thị trấn	2027	2029	Đầu tư xây mới khu học tập, vui chơi, nhà nội trú		50.000	50.000			50.000					
3	Trường Mầm non Thị trấn Mường Chà (điểm trung tâm)	C	Thị trấn	2026	2027	20 phòng học và phòng chức năng; 10 phòng làm việc		40.000	40.000			40.000					
4	Nâng cấp sân vận động huyện	C	#REF!	#REF!	#REF!	Nâng cấp khán đài, mặt sân, phòng chức năng, hạng mục phụ trợ		20.000	20.000			20.000					



136

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
*	Na Sang																
5	Nâng cấp, mở rộng Trường PTDTBT Tiểu học số 2 Na Sang	C	Na Sang	2027	2028	9 phòng học; 12 phòng chức năng; 10 phòng hiệu bộ, 17 phòng bán trú		28.000	28.000			28.000					
6	Nâng cấp, mở rộng Trường Mầm non số 1 Na Sang	C	Na Sang	2026	2027	7 phòng học, 4 phòng chức năng, 3 phòng công vụ		15.000	15.000			15.000					
*	Pa Ham																
7	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT Tiểu học Mường Anh, xã Pa Ham	C	Pa Ham	2026	2027	4 phòng học; 5 phòng công vụ; 12 phòng chức năng; 16 phòng nội trú		12.500	12.500			12.500					
8	Nâng cấp, mở rộng trường THCS Mường Anh, xã Pa Ham	C	Pa Ham	2026	2027	8 phòng học; 6 phòng công vụ; 6 phòng chức năng; 10 phòng nội trú, 1 nhà đa năng, 1 bếp ăn		25.000	25.000			25.000					
*	Xã Sa Lông																
9	Nâng cấp, sửa chữa PTDTBT THCS Sa Lông	C	Sa Lông	2026	2027	09 phòng học, nhà nội trú học sinh + bếp, nhà ăn, Sửa chữa 02 nhà lớp học 06 phòng		15.000	15.000			15.000					
*	Xã Ma Thi Hồ																
10	Nâng cấp, mở rộng Sửa chữa, nâng cấp trường PTDTBT Tiểu học Ma Thi Hồ	C	Ma Thi Hồ	2027	2028	18 phòng học; 9 phòng chức năng		26.000	26.000			26.000					
*	Xã Nậm Nèn																
11	Nâng cấp, mở rộng trường PTDTBT Tiểu học Nậm Nèn	C	Nậm Nèn	2027	2028	2 dãy nhà 2 tầng 16 phòng, Nhà đa năng; 6 phòng công vụ; 4 phòng chức năng; 15 phòng nội trú; nhà hiệu bộ		30.000	30.000			30.000					
12	Sửa chữa, nâng cấp Trường THCS Nậm Nèn	C	Nậm Nèn	2029	2030	3 phòng hiệu bộ, 01 phòng họp, 5 phòng đoàn thể, tổ khối, 6 phòng chức năng		15.000	15.000			15.000					
13	Chợ phiên xã Nậm Nèn	C	Nậm Nèn	2026	2027	1 chợ (2.500m2)		3.000	3.000			3.000					
*	Xã Huổi Lèng																
14	Trường PTDTBT THCS Huổi Lèng	C	Huổi Lèng	2029	2030	Đầu tư xây mới khu học tập, vui chơi, nhà nội trú		40.000	40.000			40.000					
*	Xã Mường Tùng																
15	Trường Mầm non Mường Tùng	C	Mường Tùng	2029	20230	5 phòng học, 10 phòng công vụ, 4 phòng chức năng, 9 phòng hiệu bộ		15.000	15.000			15.000					



137

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
*	Xã Huổi Mí																
16	Nâng cấp, mở rộng trường Nầm non Huổi Mí	C	Huổi Mí	2029	20230	2 phòng học, 2 phòng công vụ, 4 phòng chức năng, 1 phòng thư viện		10.000	10.000			10.000					
17	Đường từ bản Long Tụ, xã Huổi Mí, huyện Mường Chà - bản Hua Múc 3, xã Pá Xi, huyện Tuần Giáo	C	Huổi Mí	2028	2030	Dài 500m (đường dẫn và cầu)		15.000	15.000			15.000					
18	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Chà, huyện Mường Chà	C	H. Mường Chà	2028	2030	60 phòng ở nội trú cho học sinh; cải tạo, nâng cấp nhà lớp học bộ môn, nhà ban giám hiệu và các hạng mục phụ trợ		25.000	25.000			25.000			Sở GD&ĐT đề nghị		
VI	Huyện Điện Biên Đông							278.351	278.351			278.351					
1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2021-2025 sang giai đoạn 2026-2030																
2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2026-2030																
n)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn 2026-2030																
1	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường Na Sang - Nong U - Trung Phú	C	xã Nong U, xã Na Sơn			15 km, cấp VI MN		60.000	60.000			60.000					
2	Nâng cấp Tuyến đường Phi Nhừ - Xa Dung	C	xã Xa Dung, xã Phi Nhừ			15 km, GTNT cấp B		35.000	35.000			35.000					
3	NC đường Huổi Sóng (xã Háng Lía) - Phình Giàng	C	xã Háng Lía, xã Phình Giàng			3 km, GTNT cấp C		10.000	10.000			10.000					
4	NC, mở rộng trường Mầm non Ban Mái, xã Xa Dung	C	xã Xa Dung			6 phòng học		6.584	6.584			6.584					
5	NC, mở rộng trường Mầm non Tia Dính, xã Tia Dính	C	xã Tia Dính			10 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		7.507	7.507			7.507					
6	NC, mở rộng trường Mầm non Háng Trờ, xã Pu Nhi	C	xã Pu Nhi			10 phòng học mới, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		7.853	7.853			7.853					
7	NC, mở rộng trường Mầm non Sư Lư, xã Na Sơn	C	xã Na Sơn			6 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		5.182	5.182			5.182					
8	NC, mở rộng trường Mầm non Pu Nhi, xã Pu Nhi	C	xã Pu Nhi			7 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các công trình phụ trợ		7.905	7.905			7.905					
9	NC, mở rộng trường Mầm non Suối Lư, xã Phi Nhừ	C	xã Phi Nhừ			10 phòng học, đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học và các hạng mục khác		8.679	8.679			8.679					
10	NC, mở rộng trường Mầm non Nong U, xã Nang U	C	xã Nong U			7 phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi và các hạng mục khác		5.732	5.732			5.732					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Nội dung thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
11	NC, mở rộng trường Mầm non Xã Dung, xã Xã Dung	C	xã Xã Dung			7 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các hạng mục khác		5.937	5.937			5.937					
12	NC, mở rộng trường Mầm non Luân Giới, xã Luân Giới	C	xã Luân Giới			5 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các hạng mục khác		5.628	5.628			5.628					
13	NC, mở rộng trường Mầm non Phình Giàng, xã Phình Giàng	C	xã Phình Giàng			8 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các hạng mục khác		7.523	7.523			7.523					
14	NC, mở rộng trường Mầm non Phi Nhữ, xã Phi Nhữ	C	xã Phi Nhữ			16 phòng học mới, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các hạng mục khác		13.290	13.290			13.290					
15	NC, mở rộng trường Mầm non Keo Lôm, xã Keo Lôm	C	xã Keo Lôm			6 phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi và các hạng mục khác		7.829	7.829			7.829					
16	NC, mở rộng trường Mầm non Hoa Ban, xã Háng Lía	C	xã Háng Lía			7 phòng học, thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi các hạng mục khác		8.622	8.622			8.622					
17	NC tuyến đường bản Chông B - bản Háng Tàu xã Xã Dung - xã Mường Bám (huyện Thuận Châu)	C	xã Xã Dung, Sơn La			6 km, GTNT cấp C		12.000	12.000			12.000					
18	NC tuyến đường ngã 3 Cá Chua - bản Huổi Hịa xã Xã Dung - xã Mường Bám (huyện Thuận Châu)	C	xã Xã Dung, Sơn La			4 km GTNT cấp C		10.000	10.000			10.000					
19	Năng cấp Đường Km7+400 Na Sơn - Thảm Mỹ A,B - Nà Sản	C	xã Xã Dung, xã Na Sơn			10 km GTNT cấp C		18.000	18.000			18.000					
20	NC Đường Mường Luân 1 - Co Kham - Na Hát (Mường Luân) - Pó Sinh (xã Phi Nhữ)	C	xã Mường Luân, xã Phi Nhữ			10 km GTNT cấp C		16.000	16.000			16.000					
21	Năng cấp đường Na Hay Háng Sưa xã Tía Đình đi Sam Kha (Sơn La)	C	xã Tía Đình, Sơn La			10,6 km GTNT cấp C		19.080	19.080			19.080					
22	Đầu tư xây dựng,cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Trần Can, huyện Điện Biên Đông	C	H. Điện Biên Đông	2028	2030	Xây mới: 01 phòng học; 02 phòng học bộ môn; 01 phòng(thư viện, thiết bị giáo dục, tư vấn học đường, phòng họp, phòng tổ chuyên môn, phòng quản lý học sinh, phòng sinh hoạt chung) Sửa chữa: 01 phòng học bộ môn		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị		
VII	Huyện Mường Nhé							328.800	328.800			328.800					
1	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT THPT huyện Mường Nhé	C	H. Mường Nhé	2026	2028	05phòng học 01 phòng tb giáo dục, 30 phòng ở nội trú, nhà tắm, nhà vệ sinh và hạng mục phụ trợ		14.900	14.900			14.900			Sở GD&ĐT đề nghị		
2	Bổ sung cơ sở vật chất trường THPT Mường Nhé, huyện Mường Nhé	C	H. Mường Nhé	2028	2030	Nhà ban giám hiệu, 04 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ trợ		18.000	18.000			18.000			Sở GD&ĐT đề nghị		
(1)	Lĩnh vực giao thông																
1	Đường vào bản Pa Tét xã Huổi Lếch	B	Xã Huổi Lếch	2026	2028	15km		98.000	98.000			98.000					

STT	Danh mục dự án	Nhóm dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện		Năng lực thiết kế	Quyết định chủ trương đầu tư/hoặc quyết định đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khối công đến hết năm 2025		Nhu cầu Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030			Ghi chú		
				Khởi công (năm)	Hoàn thành (năm)		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số		Trong đó	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW							Tổng số	Tưu hồi các khoản ứng trước
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		
2	Đường giao thông nội bản: Các bản Huổi Lu 1, Huổi Lu 2, Pá Mý 3, xã Pá Mý	C	Xã Pá Mý	2026	2028	4,5 km		15.500	15.500			15.500					
3	Nâng cấp đường vào bản Huổi Khon 1 và Huổi Khon 2	C	Xã Nậm Kê	2026	2028	5,2 km		23.900	23.900			23.900					
4	Nâng cấp đường giao thông Tả Miếu - Km5+900 đường tuần tra biên giới	C	Xã Sín Thầu	2026	2028	4 km		14.500	14.500			14.500					
5	Nâng cấp đường giao thông vào bản Tả Lô San xã Sen Thượng	C	Xã Sen Thượng	2028	2030	13 km		52.000	52.000			52.000					
6	Đường bê tông Vang Hồ - Huổi Cầu, xã Nậm Vi	C	Xã Nậm Vi	2028	2030	9,8 km		47.000	47.000			47.000					
7	Đường giao thông nội bản bản Co Lót 1, xã Mường Nhé	C	Xã Mường Nhé	2028	2030	5 km		15.000	15.000			15.000					
(2)	Lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn																
1	Nước sinh hoạt Kê Luông cho các bản Huổi Thanh 1, bản Nậm Kê, bản Phiêng Voi, bản Huổi Hắc, đồn biên phòng Nậm Kê, UBND xã, 4 đơn vị trường học, trạm y tế xã.	C	Xã Nậm Kê	2028	2030	60 lít/người/ngày		30.000	30.000			30.000					